

Số: 719 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 20/TTr-SKH-CN ngày 14/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *AS*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *AS*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Nghiêm

CHƯƠNG TRÌNH
Phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của UBND tỉnh Hưng Yên)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tỉnh và triển khai kịp thời, có hiệu quả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 193/2025/QH15), Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Kế hoạch hành động số 433 -KH/TU) và các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được giao trong Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP), Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Kế hoạch số 102/KH-UBND).

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động số 433-KH/TU và Kế hoạch số 102/KH-UBND nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GRDP, tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh phân đấu Hưng Yên trong nhóm tỉnh đứng đầu về

chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) và chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trên mức trung bình cả nước.

2. Yêu cầu

a) Bám sát quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị định số 88/2025/NĐ-CP), Kế hoạch hành động số 433-KH/TU, Kế hoạch số 102/KH - UBND và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi.

b) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

c) Xác định các nhiệm vụ cụ thể nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

d) Phát huy các nguồn lực, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đề ra; tiến hành rà soát hàng năm và định kỳ 01 năm, 05 năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp mới, đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong quá trình triển khai nhằm đạt được các mục tiêu đã hoạch định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

đ) Việc thực hiện phải gắn với Quy hoạch tỉnh và các Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

A. Giai đoạn 2025-2030

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về nội dung Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

- Xây dựng các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025, Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 và Chương trình này; thường xuyên thông tin, tuyên truyền, tôn vinh những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (công thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động và triển khai sâu rộng phong trào "học tập số"; phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

c) Ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua "Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

d) Nâng cao chất lượng tổ chức Hội thi Sáng tạo Khoa học - Công nghệ và Kỹ thuật tỉnh; khuyến khích học sinh trên địa bàn tỉnh tham gia Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; tôn vinh các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, danh hiệu trí thức tiêu biểu.

2. Đổi mới cơ chế quản lý, hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo (ĐMST)

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phát triển nhân lực khoa học và công nghệ, huy động tài chính và quản lý tài chính; xây dựng cơ sở vật chất; thông tin khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học và công nghệ.

b) Hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công

nghe; thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, thân thiện môi trường phục vụ phát triển bền vững.

c) Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách đối với việc phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích phát triển start-up, mạng lưới khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách hướng tới phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác các sáng chế.

đ) Xây dựng, cụ thể hóa các chính sách về đào tạo nhân lực và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó tập trung đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý, lao động có trình độ ứng dụng được các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ công chức cấp xã.

e) Tăng cường mối quan hệ, hình thành các liên kết ngành dọc theo hướng chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ ở các khâu, thông tin dự báo nhanh, chính xác đối với ngành hàng, sản phẩm thế mạnh của tỉnh (quốc tế, khu vực, trong nước).

g) Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tại địa phương.

3. Phát triển tổ chức, tiềm lực khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường năng lực ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số; sắp xếp, tổ chức hợp lý các trung tâm, trạm, trại, khu thực nghiệm, cơ sở trình diễn; đẩy mạnh việc khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm đẩy mạnh các hoạt động start-up, hệ thống mạng lưới kết nối các start-up; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ theo hướng tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực tiếp nhận, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới của cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, năng lực đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa; xây dựng mạng lưới nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, nhân tài và quỹ đầu tư tập trung vào một số lĩnh vực nổi bật như: Trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học và an ninh mạng.

đ) Hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST, các cơ sở vật chất của các trường đại học, cao đẳng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST; các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trong các doanh nghiệp.

e) Tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và ĐMST; kết hợp các nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, khuyến công, khuyến nông,... để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp khác (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và ĐMST).

g) Tập trung nguồn lực, huy động các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện các chương trình, đề án Quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030. Đảm bảo kinh phí hàng năm cho sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là 3% tổng chi ngân sách (với cơ cấu chi 1% cho nghiên cứu ứng dụng và 2% cho chi thường xuyên, đầu tư và mua sắm thiết bị, hạng tầng) theo mục tiêu đề ra để hiện thực hóa một số chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, có tính chiến lược của tỉnh.

4. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ thông qua việc tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký và hoàn thiện thủ tục đề nghị cấp văn bằng bảo hộ; xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh; tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, nâng hạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản có thị trường tiêu thụ lớn trong nước, có khả năng xuất khẩu.

b) Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch phục vụ phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế lớn.

c) Đổi mới mạnh mẽ công nghệ sản xuất các sản phẩm, dịch vụ của các ngành hàng, lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hướng ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, nâng cao khả năng cạnh

tranh và uy tín sản phẩm chủ lực của tỉnh.

d) Thúc đẩy việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong và ngoài nước; chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các nông sản, thực phẩm chế biến; phát triển các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 4 đến 5 sao.

đ) Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công nghệ số trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tiến tới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO điện tử gắn với chuyển đổi số. Hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và các giải thưởng Quốc tế uy tín.

e) Đẩy mạnh xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

5. Định hướng khoa học, công nghệ và ĐMST phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

5.1. Định hướng các nhiệm vụ phát triển lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

a) Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo trên cơ sở khai thác triệt để cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế các Hiệp định thương mại tự do đem lại.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp cơ khí, điện tử, tự động hóa, sản xuất vật liệu chất lượng cao (ưu tiên nghiên cứu sản xuất vật liệu xây dựng không nung,...); dệt may, thủ công mỹ nghệ và ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp phụ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đưa công nghệ cao, công nghệ tự động hóa, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường phục vụ sản xuất và dịch vụ.

b) Ngành xây dựng

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới và cải tiến công nghệ, đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại, tự động hóa để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất,

chất lượng sản phẩm trong phát triển, sản xuất các vật liệu có tính năng mới như vật liệu không nung, kính, sơn, cát nhân tạo... lựa chọn công nghệ thích hợp cho thi công xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở lợi thế của Hưng Yên về vật liệu xây dựng.

- Tăng cường hoạt động của hệ thống phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm chuyên ngành nhằm kiểm soát chất lượng các công trình, sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, thiết bị thông minh, công nghệ kỹ thuật số trong thiết kế, giám sát và thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, nhằm rút ngắn tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, tiết kiệm chi phí xây dựng, linh hoạt trong các điều kiện khác nhau như thiên tai, dịch bệnh, khan hiếm lao động.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để tạo ra nguyên, vật liệu làm đường phục vụ cho phát triển giao thông nông thôn, giao thông trong các khu du lịch sinh thái, du lịch làng nghề nhằm đảm bảo đi lại thuận lợi cho khách du lịch và phục vụ đi lại cho giao thông nông thôn của người dân.

- Nâng cao năng lực tiếp nhận làm chủ, thích nghi và cải tiến công nghệ của các doanh nghiệp đóng, sửa chữa phương tiện giao thông, vận tải (ô tô, xe máy) đảm bảo an toàn cho du khách đến Hưng Yên và đi lại của nhân dân.

5.2. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Nông nghiệp và Môi trường

Để phát triển toàn diện, bền vững nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa qui mô lớn, kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao giá trị gia tăng, gắn với bảo vệ môi trường thì khoa học, công nghệ và ĐMST cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường.

- a) Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ.

- b) Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các cây trồng, vật nuôi đặc sản của tỉnh, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp.

- c) Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh.

- d) Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống, phân bón, quy trình thâm canh tổng hợp tiên tiến, kiểm soát dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản,...) vào sản xuất.

đ) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, vận hành các công trình thủy lợi và phòng, chống bão, úng, lụt.

e) Thực hiện chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Phát triển nền nông nghiệp thông minh, có định hướng nhu cầu sử dụng sản phẩm; nông nghiệp thuận thiên, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

g) Nghiên cứu, dự báo đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ lụt, hạn hán, nhiệt độ bất thường...) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời xác định các giải pháp ứng phó có hiệu quả.

h) Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ hoạt động quan trắc, thu thập, xử lý, quản lý các dữ liệu tài nguyên và môi trường; ngăn chặn và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xử lý rác thải, phụ phẩm trong nông nghiệp, ô nhiễm môi trường trong khu dân cư...

i) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường, nhất là lĩnh vực đất đai. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

k) Nghiên cứu, gắn kết phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ với phát triển du lịch (sinh thái) trong chuỗi du lịch của tỉnh và vùng.

l) Nghiên cứu các giải pháp phục hồi và phát triển rừng ven biển; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng thiết bị, phần mềm lĩnh vực lâm nghiệp phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng.

m) Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cải thiện hiệu quả trong bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong việc giảm thất thoát sau thu hoạch đối với các sản phẩm chủ lực và hạn chế lãng phí thực phẩm.

n) Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ hoạt động quản lý hai khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy và Tiên Hải. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường.

5.3. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành y, dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân

a) Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong hoạt động khám, chữa bệnh; sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu địa phương kết hợp y học cổ truyền; tập trung ưu

tiên hình thành một số chuyên khoa ứng dụng công nghệ cao trong khám chữa bệnh ở một số bệnh viện tuyến tỉnh.

b) Nghiên cứu kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao khả năng khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ cho khách đi du lịch kết hợp chữa bệnh, nghỉ dưỡng tại tỉnh Hưng Yên.

c) Nghiên cứu mô hình bệnh tật trong tỉnh phục vụ việc xây dựng kế hoạch, chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó chú ý mô hình bệnh tật và các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, lây nhiễm; các vấn đề sức khỏe cộng đồng.

d) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý ngành y tế; tăng cường hoạt động chuyển đổi số trong ngành y tế; ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao để phát triển hiệu quả ngành dược của tỉnh.

đ) Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành y tế đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh.

5.4. Định hướng các nhiệm vụ phát triển khoa học xã hội và nhân văn

a) Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn nhân lực và mô hình mới trong thực tiễn để tham mưu, tư vấn, cung cấp luận cứ khoa học, những vấn đề thực tiễn đặt ra, dự báo tình hình và xu hướng phát triển, làm cơ sở cho việc xây dựng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, hoạch định các chủ trương, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực.

b) Tiếp tục nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của tỉnh trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi mô hình kinh tế phát triển theo chiều sâu của tỉnh, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và ĐMST, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoạt động khởi nghiệp trong cộng đồng.

c) Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý đô thị, phát triển bền vững; quốc phòng, an ninh của tỉnh.

5.5. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành Giáo dục – Đào tạo

Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong đổi mới, cải tiến phương pháp, hình thức, công cụ hỗ trợ đào tạo; đề xuất, nâng cao hiệu quả, đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo; thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN là các nhà khoa học, nhà công nghệ, các

chuyên gia đầu ngành, nhà lãnh đạo, quản lý... Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm các chương trình đào tạo tiên tiến, mô hình liên kết đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo.

5.6. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Văn hóa, thể thao và du lịch

a) Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ việc phát triển ngành du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở tỉnh Hưng Yên; dịch vụ phục vụ du lịch tại tỉnh Hưng Yên; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch, xây dựng các chương trình phát triển du lịch gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP.

b) Nghiên cứu, phát triển các giá trị cảnh quan thiên nhiên, vùng sinh thái và điều kiện tự nhiên đặc thù của tỉnh Hưng Yên (nước khoáng thiên nhiên,...; di tích lịch sử văn hóa; sinh thái; phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch biển làng nghề,...); tổ chức khai thác phục vụ các hoạt động du lịch với các hình thức và sản phẩm du lịch khác nhau.

c) Nghiên cứu phát triển hệ thống sản phẩm du lịch của tỉnh phù hợp với phát triển thị trường du lịch tỉnh Hưng Yên.

d) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững các sản phẩm du lịch trong việc hài hòa giữa phát triển kinh tế và giảm thiểu xung đột vấn đề phát triển du lịch với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

5.7. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

a) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về đảm bảo an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; các giải pháp xã hội hóa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai do biến đổi khí hậu; giải pháp tăng cường bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống dữ liệu, mạng chuyên dùng của tỉnh.

b) Ứng dụng KH&CN trong nghiên cứu, đề xuất các giải pháp dự báo, cảnh báo, nhận diện, kiểm soát, phòng, chống và khắc phục hậu quả sự cố bức xạ và hạt nhân, các vấn đề an ninh phi truyền thống gây ra.

c) Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong lĩnh vực an ninh trật tự, nhất là an ninh nông thôn; ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đặc biệt tội phạm công nghệ cao.

5.8. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành khoa học và công nghệ

a) Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học, khoa học - xã hội và nhân văn, y tế, giáo dục; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường; bảo tồn, khai thác phát triển nguồn gen của tỉnh.

- Tích cực đề xuất đặt hàng đối với các nhiệm vụ Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí thực hiện nhằm huy động nguồn kinh phí từ Trung ương triển khai các đề tài, dự án quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển về số lượng và chất lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đề xuất điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

b) Về quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân

- Tham mưu thẩm định tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến; các phương pháp kỹ thuật mới, hiện đại; công nghệ cao, công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển, nhập công nghệ, thiết bị đạt trình độ tiên tiến trở lên trong khu vực phục vụ các ngành kinh tế kỹ thuật.

- Bảo đảm 100% cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh được cấp giấy phép; đảm bảo an toàn và an ninh nguồn phóng xạ, không để xảy ra sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân theo quy định.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống quản lý sở hữu công nghiệp (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...)

- Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, ưu tiên các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về ứng dụng khoa học và công nghệ, đo lường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, đổi mới hoạt động đo lường trong doanh nghiệp.

- Thực hiện kế hoạch về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030.

d) Về thông tin, chuyển giao khoa học và công nghệ

- Phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ đủ mạnh, phục vụ có hiệu quả nhu cầu thông tin cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hướng trọng tâm là dịch vụ thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kết nối các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp với các nguồn vốn đầu tư, chuyên gia, cố vấn,... từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện ứng dụng và chuyển giao, đổi mới công nghệ nhằm giúp các tổ chức, cá nhân ứng dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học, các công nghệ mới phù hợp với thực tế sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, phát triển bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển sàn giao dịch công nghệ để hỗ trợ chuyển giao công nghệ, giải pháp liên quan đến công nghệ, khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ phát triển của doanh nghiệp.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số hướng tới đô thị thông minh

a) Phát triển hạ tầng số, nền tảng và dịch vụ số

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh, trong đó ưu tiên triển khai công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...)

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai mạng cáp quang băng rộng và mạng di động 5G, 6G đến 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không có vùng lõm sóng. Nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện để đáp ứng nhu cầu triển khai các dịch vụ IoT, Big data, AI,... Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng và phát triển hạ tầng công nghệ số. Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số trên cơ sở hướng dẫn, quy định của Trung ương; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các

ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Đầu tư xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); phát triển Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành để xây dựng dữ liệu của tỉnh bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Thực hiện chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng trên cơ sở hướng dẫn, quy định của Trung ương. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, ...

- Phát triển hạ tầng đô thị thông minh, các mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Xây dựng, phát triển đô thị phường Phố Hiến là đô thị thông minh, đô thị xanh, hiện đại, có bản sắc riêng với sức thu hút và lan tỏa cao để phát triển các đô thị vùng trong tỉnh.

- Xây dựng hạ tầng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, các thiết chế văn hóa, thể thao, hệ thống điện, nước sinh hoạt, thông tin viễn thông, ...

b) Xây dựng, phát triển chính quyền số

- Xây dựng Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên trên cơ sở cập nhật, điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã, phường).

- Xây dựng, phát triển các nền tảng số, dịch vụ số để đưa các hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, trong đó ưu tiên phát triển các nền tảng số

dùng chung của tỉnh như quản lý văn bản điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cổng thông tin điện tử, thư điện tử, hội nghị truyền hình trực tuyến,...

- Xây dựng, phát triển kho dữ liệu dùng chung của tỉnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, cũng như các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của Bộ, ngành mà tỉnh cung cấp, tạo lập dữ liệu. Đồng thời nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC) theo mô hình tập trung, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo theo Kiến trúc chính quyền số của tỉnh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Đẩy mạnh xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu giao dịch trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch.

c) Chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp công nghệ số thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Xây dựng cổng thông tin hoặc sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

a) Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Tăng cường an ninh mạng

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định. Kiện toàn đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin tỉnh. Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

c) Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

8. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tham gia vào kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ các chương trình đào tạo chuyên ngành, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng khai thác, sử dụng thông tin khoa học - công nghệ, kinh doanh, xuất - nhập khẩu, các chương trình phát triển kỹ năng quản trị hiện đại, đặc biệt là kỹ năng quản lý rủi ro, quản trị tài chính và chuỗi cung ứng trong bối cảnh biến động toàn cầu.

b) Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Hưng Yên. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số. Thúc

đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D). Tuyên truyền mạnh mẽ và có hiệu quả để người dân sử dụng và khai thác các dữ liệu số dùng chung có hiệu quả và đạt tỷ lệ cao.

c) Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

a) Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia. Kết hợp phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh với sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

b) Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, gắn kết hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế; có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh. Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ

nước ngoài vào địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

c) Tăng cường hợp tác trong nước (tổ chức khoa học công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học,...) và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu (các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP,...) tham gia vào các Hiệp định EVFTA, FTA thế hệ mới, RCEP,...; đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

(Chi tiết Danh mục các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Chương trình này)

B. Tầm nhìn đến năm 2045

1. Tiếp tục phát triển mạnh mẽ các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khu công nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống.

2. Hình thành hạ tầng chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất từ tỉnh đến xã, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối, tăng cường liên kết hiệu quả giữa các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ của các sở, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu; tiếp tục đầu tư mua một số cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ quốc tế cốt lõi có giá trị trên thế giới và có ý nghĩa thiết thực đối với nghiên cứu trong nước. Khuyến khích đầu tư, phát triển các trung tâm dữ liệu lớn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các kho dữ liệu khoa học dùng chung; kết nối các cộng đồng khoa học mở ở Việt Nam nhằm chia sẻ, phản biện, xây dựng các nhóm dữ liệu mở, ứng dụng mở của Việt Nam. Hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý thống kê ngành khoa học và công nghệ.

5. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

a) Xây dựng các trung tâm dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tư vấn, môi giới về công nghệ do Nhà nước thành lập hoặc thông qua hỗ trợ tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các trung tâm tư vấn của tư nhân với doanh nghiệp.

b) Phát triển bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong

các doanh nghiệp; có một số doanh nghiệp trong nước đạt trình độ công nghệ hàng đầu của khu vực.

c) Tiếp tục nâng cao môi trường cạnh tranh trong thương mại, nâng cao tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ lưu hành trong nước, hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ, kịp thời ban hành các tiêu chuẩn mới ứng với công nghệ mới, đổi mới hoạt động hỗ trợ về hàng rào kỹ thuật (TBT) nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương tạo thành mạng lưới thống nhất, toàn diện để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Rà soát, đánh giá, hoàn thiện chính sách về nhập công nghệ (ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ, ...) để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.

d) Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

6. Làm chủ các ngành công nghiệp nền tảng và công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, ...

7. Làm chủ công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số, tạo ra những sản phẩm, thiết bị và các tiện ích thông minh ứng dụng trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống; làm chủ lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng để bảo đảm an ninh, chủ quyền quốc gia, lợi ích của các tổ chức và người dân, ngăn chặn hiệu quả các cuộc tấn công trên không gian mạng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao trong Chương trình này, yêu

cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung Chương trình và tổ chức triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương theo phương châm 6 rõ “Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và rõ thẩm quyền”. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định/Chương trình này. Định kỳ trước ngày 10 tháng cuối Quý, đột xuất khi được yêu cầu gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định,

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình này; Tổng hợp nhu cầu kinh phí phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên hằng năm gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết để thực hiện có hiệu quả Chương trình này. Định kỳ hoặc đột xuất khi được yêu cầu tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả triển khai Chương trình này, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo quy định..

3. Giao Sở Tài chính hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo Chương trình này.

4. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh căn cứ Chương trình này và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình hành động để triển khai thực hiện; đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tổ chức thực hiện, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

5. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai Chương trình này theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I**Danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Hoàn thiện thể chế chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực				
1.	Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã phát huy hiệu quả trong khuyến khích, hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật các quy định, cơ chế, chính sách mới của Nhà nước và điều kiện thực tế địa phương để sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
2.	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Tháng 12/2025
3.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025
4.	Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo phương châm “nguồn lực ngân sách nhà nước là nền tảng để thúc đẩy, nguồn lực khu vực tư nhân và doanh nghiệp là chính”. Xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước đặt trụ sở tại địa phương.	Sở Tài chính, các địa phương thuộc tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5.	Bổ trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình này. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
6.	Tiếp tục thực hiện và có các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tiếp thu và làm chủ công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Thường xuyên
7.	Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
8.	Nghiên cứu cơ chế, chính sách vượt trội, cơ chế áp dụng luồng xanh, áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt để hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, thiết bị thông minh trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số ở tỉnh Hưng Yên; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Tháng 9/2026
9.	Căn cứ chức năng nhiệm vụ kịp thời rà soát, sửa đổi, thay thế hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới để đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Khi Trung ương có quy định mới

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
10.	Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, đơn vị liên quan	Kế hoạch được ban hành	Tháng 01/2026
11.	Tham mưu xây dựng Đề án thành lập Quỹ để thực hiện cơ chế chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đề án được phê duyệt	Tháng 04/2026
12.	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Thường xuyên
13.	Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực Y tế, công nghiệp Dược.	Sở Y tế	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 9/2025
14.	Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực giống cây trồng, thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 9/2025
15.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung cho một số ngành nghề mũi nhọn của tỉnh và lĩnh vực trọng điểm mà tỉnh có lợi thế, định hướng, ưu tiên phát triển như: Công nghiệp dệt may, điện, điện tử, năng lượng, công nghiệp phụ trợ, y tế, công nghiệp Dược, vật liệu xây dựng, giống cây trồng, thủy sản, sản phẩm làng nghề truyền thống...	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 01/2026
16.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào các vùng trồng dược liệu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 10/2025
17.	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, người sản xuất tham gia phát triển thương hiệu gạo của tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 12/2025
18.	Xây dựng cơ chế, chính sách để ưu tiên ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, y học thể thao, các trang thiết bị hiện đại trong huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 9/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
19.	Xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục nghề nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Cơ chế, chính sách được ban hành	Tháng 01/2026
II.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
20.	Rà soát, bố trí kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 tỉnh Hưng Yên và bố trí kinh phí hàng năm đối với các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 11/2025
21.	Tham mưu xây dựng Đề án phát triển trung tâm, viện nghiên cứu cây trồng trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng và cả nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đề án được phê duyệt	Tháng 10/2025
22.	Tham mưu xây dựng Đề án phát triển Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Hưng Yên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 03/2026
23.	Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển Khu công nghiệp Dược – Sinh học.	Ban Quản lý khu kinh tế; Ban Quản lý các khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
24.	Xây dựng Khu nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Giai đoạn 2025-2030
25.	Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư xây dựng các nhà máy trên địa bàn tỉnh sản xuất các sản phẩm thuộc ngành kinh tế số lõi (sản phẩm điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, linh kiện điện tử...).	Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh HY	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên
26.	Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
27.	Đầu tư nâng cao năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ngoài công lập; nâng cao năng lực hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, đo lường, thử nghiệm, thí nghiệm phục vụ phát triển công nghệ và công nghiệp có thế mạnh của tỉnh, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Tập trung hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm và phát triển khoa học, công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên
III	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo đột phá trong các lĩnh vực trọng điểm phát triển của tỉnh				
28.	Tập trung xây dựng Công nghiệp toàn diện, bắt kịp xu thế phát triển mới về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển, trở thành trọng điểm, động lực phát triển, tạo năng lực cạnh tranh cho tỉnh; là trung tâm công nghiệp năng lượng, phụ trợ, chế biến, chế tạo ô tô, sản phẩm điện tử... công nghệ cao của khu vực và phát triển một số không gian kinh tế xanh, giảm phát thải, zero carbon. Mở rộng không gian biển, kinh tế biển theo quy hoạch không gian biển quốc gia	Ban Quản lý khu kinh tế và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
29.	Xây dựng đề án, chương trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển dịch vụ y tế, công nghiệp dược phẩm. Phân đấu đưa Hưng Yên trở thành trung tâm phát triển dịch vụ y tế, công nghiệp dược của Vùng đồng bằng Sông Hồng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đề án, chương trình được phê duyệt	Tháng 6/2026
30.	Phát triển các loại hình dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; xây dựng các khu nghỉ dưỡng kết hợp du lịch, trung tâm dưỡng lão	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
31.	Xây dựng Kế hoạch phát triển Khu công nghiệp giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; trong đó bảo đảm sự gắn kết đồng bộ với phát triển hạ tầng phục vụ cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo toàn diện, bắt kịp xu thế phát triển mới về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển, trở thành trọng điểm, động lực phát triển, tạo năng lực cạnh tranh cho tỉnh.	Ban Quản lý khu kinh tế và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Hồ sơ quy hoạch	Tháng 12/2025
IV	Đẩy mạnh hợp tác liên kết vùng, quốc tế				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
32.	Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các hoạt động hợp tác	Thường xuyên
33.	Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi nhà đầu tư, doanh nghiệp công nghệ có thương hiệu đầu tư vào tỉnh; gắn kết hợp tác quốc tế về kinh tế với hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.	Trung tâm xúc tiến đầu tư, Hỗ trợ doanh nghiệp và Tư vấn dịch vụ tài chính tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các hoạt động hợp tác	Năm 2025

Phụ lục II**Danh mục nhiệm vụ triển khai thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
A	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ (CQS)						
I	CQS1	Phát triển cơ sở hạ tầng và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh					
1.	CQS1.1	Phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và hệ thống hiện có	- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai trung tâm dự phòng, sao lưu dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
2.			- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên các phiên bản phù hợp với Kiến trúc số của Chính phủ và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh				
3.			- Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên theo mô hình chính quyền 2 cấp, triển khai tiếp đến cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã		
			- Duy trì, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh				
4.	CQS1.2	Nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng hiện có của tỉnh, đầu tư xây dựng các nền tảng mới	- Triển khai xây dựng và tích hợp Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ban ngành liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
5.			- Triển khai xây dựng Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên			2025 - 2030	
6.			- Duy trì, nâng cấp nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).			2025 - 2030	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
7.			- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ các hoạt động của các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp ở các lĩnh vực; Triển khai trợ lý ảo (AI) cho cán bộ công chức			2026	
8.			Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương		Thường xuyên	
9.			- Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch		2026-2030	
II	CQS2	Số hóa hệ thống dịch vụ công					
10.	CQS2.1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	- Nâng cấp hệ thống giao ban trực tuyến của Tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
11.			- Xây dựng kênh hỏi và đáp trên trang thông tin điện tử của tỉnh; kênh Zalo chính quyền điện tử của Tỉnh; Tổng đài hỏi đáp (1022)				
12.			- Xây dựng hệ thống tự động báo cáo, phân tích kết quả giải quyết hồ sơ, dịch vụ công.				
13.	CQS2.2	Triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số	Triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số của các ngành	Các sở ban ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	2026-2030	Ngân sách địa phương
III	CQS3	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số					

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
14.	CQS3.2	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Triển khai cơ sở dữ liệu Quản lý ngành lĩnh vực: Y tế, giáo dục, xây dựng, tài nguyên, khoa học công nghệ...theo các hệ thống, dữ liệu của các Bộ, ngành trung ương	Các sở ngành, đơn vị liên quan	Công An tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
IV	CQS4	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước					
15.	CQS4.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ CQNN	- Mở rộng, nâng cấp Hệ thống phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ trong các CQNN	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
16.			-Triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành liên quan	Hàng năm	
17.			- Xây dựng kế hoạch sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế hồ sơ, giấy tờ cũ trong hoạt động dịch vụ và quản lý công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành trong tỉnh	Các Sở ngành, đơn vị liên quan	Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc thực hiện	2025 - 2030	
18.	CQS4.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể tỉnh	- Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử doanh nghiệp tỉnh, tích hợp thông tin thuế, bảo hiểm xã hội phục vụ Lãnh đạo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. - Xây dựng nền tảng quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Sở, ban ngành liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
19.			- Duy trì hệ thống phòng họp không giấy tờ; các hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh		Hàng năm	
20.	CQS4.3	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ	Nâng cấp, bổ sung các phân hệ giám sát của Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) của tỉnh Hưng Yên	Văn phòng	Sở, ban ngành liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
		số trong chỉ đạo, điều hành		UBND tỉnh			
			Mở rộng triển khai Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) đến cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp xã	2025 - 2030	
VI	CQS5	Xây dựng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở các đơn vị, cơ quan nhà nước					
21.	CQS5.1	Thực hiện tuyên truyền về lợi ích của quá trình chuyển đổi số	- Xây dựng, tạo lập Chuyên mục khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên Báo Hưng Yên, cổng điện tử tỉnh và các Sở, Ban, ngành, UBND cấp xã	Báo và Phát thanh, truyền hình Hưng Yên	Sở, ban ngành liên quan	Thường xuyên	Ngân sách địa phương
22.	CQS5.2	Đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số	- Nâng cấp, trang bị và duy trì hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ thông tin đầu cuối phục vụ ứng dụng CNTT và xây dựng chính quyền số trong nội bộ các cơ quan	Các cơ quan nhà nước	Các cơ quan nhà nước	Hàng năm	Ngân sách địa phương
23.			- Duy trì phòng họp trực tuyến từ UBND cấp tỉnh tới UBND cấp cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh			
VII	CQS6	Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường, kiểm soát ô nhiễm thông minh					
24.	CQS6.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu Nông nghiệp và môi trường	- Duy trì công khai minh bạch thông tin về tài nguyên và môi trường thuộc Sở quản lý theo quy định của Pháp Luật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030	Ngân sách địa phương
25.			- Xây dựng, cập nhật Hệ thống Kho tư liệu TNMT dạng số phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin dữ liệu TNMT của tỉnh				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
26.	CQS7.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý Nông nghiệp và môi trường	- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên môi trường của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030	Ngân sách địa phương
27.			- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản				
28.			- Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
29.			- Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm: nền địa lý, thanh tra, thư viện điện tử (bao gồm xây dựng phần mềm và chuyển đổi dữ liệu), cơ sở dữ liệu đã xây dựng về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, môi trường, khoáng sản...				
VIII	CQS7	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước					
30.	CQS7.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	- Tham mưu, và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật Quyết định của UBND tỉnh về cơ chế khai thác, sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu của Tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	Hàng năm	Ngân sách địa phương
31.			- Tham mưu ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu do Tỉnh quản lý				
32.			- Ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ phụ trách quản lý, kết nối, và chi sẻ dữ liệu của tỉnh				
33.			- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Công An tỉnh			
34.			- Kiện toàn lực lượng thực hiện giám sát, bảo vệ cho các hệ thống thông tin của tỉnh				
35.		Xây dựng Kế hoạch tác chiến không gian mạng đảm bảo an toàn trên không gian mạng đảm bảo phát huy thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân bảo vệ Tổ quốc	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	2026		

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
36.	CQS7.2	Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng	- Triển khai các lớp tập huấn liên quan đến an toàn, an ninh mạng: Cho các nhóm đối tượng, trước tiên tập trung vào người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp	Công an tỉnh	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
37.	CQS7.3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	- Rà soát, bổ sung, mua sắm trang thiết bị máy tính, phần mềm chống virus an toàn, có tính năng bảo mật	Công an tỉnh	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
38.			- Xây dựng và nâng cấp hệ thống trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).				
39.			- Xây dựng và triển khai dự án đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin theo NĐ85/2016/NĐ-CP và các quy định hiện hành				
40.			Hoàn thiện hệ thống camera giám sát thông minh phục vụ quản lý đô thị, an ninh trật tự, an toàn giao thông	Công an tỉnh	UBND các xã, phường	2025-2027	Ngân sách địa phương
IX	CQS8	Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số					
41.	CQS8.1	Kiện toàn ban chỉ đạo phát triển khoa học, công, nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thực hiện đề án 06	- Kien toan ban chi dao va xac dinh ro cac thanh vien co nhiem vu tham gia va thuc hien cac hanh dong dat ra	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Công an tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
							pháp luật
42.	CQS8.2	Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số	Rà soát sửa đổi hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi cơ chế để áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; cấu trúc lại quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	Các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật
43.			Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng. Ban hành các thủ tục hành chính Đảng, bao gồm cả liên thông nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện đảm bảo về mặt thủ tục.	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đơn vị liên quan	2025 - 2030	
44.			-Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
45.			Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể về phí (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính, phí đỗ xe ô tô lòng đường, hè phố...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Sở Tài chính	Sở, ban ngành, UBND các xã, phường	2025 - 2030	
B	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ						
I	KTS1	Xây dựng và đẩy mạnh môi trường Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh					
46.	KTS1.1	Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng	- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng về Thương mại điện tử	Sở Công thương	UBND các xã,	Thường xuyên	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
47.		Thương mại điện tử	- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX ứng dụng các giải pháp Thương mại điện tử và tham gia hội nhập phát triển trong các sàn giao dịch Thương mại điện tử trong và ngoài nước, và của tỉnh Hưng Yên		phường và các doanh nghiệp, HTX đóng trên địa bàn tỉnh		Ngân sách địa phương
48.	KTS1.2	Xây dựng hệ thống hạ tầng và nền tảng Thương mại điện tử	- Xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	Sở Công thương	UBND các xã, phường và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Ngân sách địa phương
49.			- Tập huấn nâng cao năng lực Quản lý nhà nước, thực thi pháp luật về Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh và tổ chức các khóa tập huấn cho doanh nghiệp về Thương mại điện tử				
50.			- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững				
II	KTS2	Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử					
51.	KTS2.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	- Tổ chức hội thảo, tham mưu về xây dựng triển khai thanh toán điện tử với các đơn vị liên quan cả khu vực công và tư	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn	2026	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
52.	KTS2.2	Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử	- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh thông qua tuyên truyền, xây dựng tài liệu thông tin cho công đồng	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn UBND các cấp	2025 - 2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
53.			- Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội, ưu đãi ngắn-trung hạn cho các doanh nghiệp đẩy mạnh thanh toán điện tử trên địa bàn tỉnh				
54.			- Đưa dịch vụ tài chính- ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
55.			- Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới, sáng tạo, tự động hóa quy trình				
56.			- Thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái hệ thống dịch vụ tài chính ngân hàng thúc đẩy phổ cập tài chính Quốc gia				
III	KTS3	Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp					
57.	KTS3.1	Hỗ trợ về kiến thức và quy trình	- Nâng cao năng lực cho Doanh nghiệp khởi nghiệp: Tư vấn xây dựng chiến lược truyền thông số cho doanh nghiệp khởi nghiệp. (Tư vấn lộ trình, hướng dẫn SME hoạt động trực tuyến và tiêu chuẩn hóa sản phẩm).	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện	Sở Tài chính chủ trì theo dõi đôn đốc việc thực hiện	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
58.			- Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu mở rộng cho cộng đồng thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên. (Vấn đề về vốn, hạ tầng, pháp lý, giáo dục, nguồn nhân lực; tương tác của người dân, doanh nghiệp hiện hữu về những khó khăn, vấn đề gặp phải và cần giải quyết trong cuộc sống, những đặt hàng giải quyết vấn đề).				
59.	KTS3.2	Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy cho doanh nghiệp	- Thực hiện và xây dựng, cơ chế, chính sách để thúc đẩy hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp trên nền tảng số từ vốn nhà nước cũng như vốn tư nhân qua việc số hóa và đơn giản hóa quy trình gọi vốn và quy trình đầu tư trong tỉnh	Sở Tài chính chủ trì	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện	2025-2030	
IV	KTS4	Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)					
60.	KTS4.1		- Cung cấp, hỗ trợ các giải pháp truyền thông, quảng bá và PR cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở ban		Hàng năm	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
61.		Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	- Triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế	ngành thực hiện hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ			Ngân sách địa phương
62.			- Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ số theo mô hình tiên tiến của thế giới				
63.			- Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng và công nghệ ứng dụng				
64.	KTS4.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	- Tham mưu, thực hiện các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển các ứng dụng, giải pháp CNTT	Các sở ban ngành thực hiện hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ		Hàng năm	
65.			- Tuyên truyền đẩy mạnh phong trào sáng tạo, phát triển giải pháp số trong cộng đồng doanh nghiệp qua các thông tin, quảng bá về các sản phẩm thành công				
66.			- Tham mưu, thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc chuyển đổi số				
V	KTS5	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông					
67.	KTS5.1	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng 5G trong các khu công nghiệp,	Ban quản các khu công nghiệp/ Khu kinh tế		Thường xuyên	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
68.			Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Khoa học và Công nghệ		2026	
69.	KTS5.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông	- Sử dụng quỹ viễn thông công ích nhằm phát triển hệ thống băng thông rộng trong tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		2025-2030	
VI	KTS6	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số					
70.	KTS6.1	Đẩy mạnh ứng dụng online banking	- Tuyên truyền và gia tăng hiểu biết của người dân về kiến thức và tiện ích của ngân hàng online bao gồm các dịch vụ như tiết kiệm, bảo hiểm, tín dụng để tăng tài chính toàn diện cho người dân	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
71.			- Phổ cập ứng dụng ngân hàng online qua hợp tác, khuyến khích doanh nghiệp cũng như tiểu thương sử dụng các dịch vụ trực tuyến như trả lương qua ngân hàng, chi tiêu online, mua sắm online				
72.	KTS6.2	Thí điểm, triển khai sử dụng mobile money	- Phối hợp với cơ quan cấp bộ và cấp nhà nước, đồng hành với các doanh nghiệp tiên phong trong thí điểm mobile money trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
VII	KTS7	Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế					
73.	KTS7.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	- Giới thiệu và tuyên truyền cho doanh nghiệp và cộng đồng về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới cho chuyển đổi số như nền tảng giao hàng logistics, nền tảng đặt hàng trực tuyến, trung tâm hỗ trợ v.v.	Sở Công Thương		2025-2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
74.			- Tổ chức hội thảo hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới trong môi trường số				
VIII	KTS8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp					
75.	KTS8.1	Số hóa dữ liệu ngành	- Xây dựng, duy trì, mở rộng và phát triển cơ sở dữ liệu thông tin và phát triển thị trường sản phẩm nông nghiệp trên môi trường mạng, đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2025 - 2030	Ngân sách địa phương
76.			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin nông nghiệp từ các nguồn dữ liệu: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp), kết hợp dữ liệu khí tượng - thủy văn, tình hình dịch bệnh và dữ liệu bản đồ nền				
77.			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên				
78.	KTS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành	- Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS hỗ trợ quản lý, giám sát và cảnh báo dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
79.			- Đưa vào sử dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy trình theo hướng hữu cơ, GAP... thông qua các phần mềm hỗ trợ trồng trọt, nông lịch, hệ thống tưới tự động				
80.			- Tiếp tục quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo phương thức nuôi thâm canh, bán thâm canh ứng dụng công nghệ cao.				
81.			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
82.			- Triển khai các ứng dụng, cảm biến cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai, nguồn nước để người dân chủ động các giải pháp nâng cao chất lượng sản xuất, nuôi trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.				
83.			- Phát triển, duy trì, mở rộng các nền tảng số, nền tảng thương mại điện tử trên hệ thống truy xuất nguồn gốc hy.check.net.vn...cho sản phẩm nông lâm thủy sản và muối; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình sản xuất kinh doanh, quản lý, giám sát chuỗi cung ứng tiêu thụ sản phẩm.				
84.			Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống GIS và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số theo mô hình chính quyền hai cấp			2025-2030	Ngân sách địa phương
IX	KTS9	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp					
85.	KTS9.1	Truyền bá, phổ cập thông tin chuyển đổi số	- Phối hợp với các doanh nghiệp tư nhân tại khu công nghiệp để thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp	Ban quản các khu công nghiệp/ Khu kinh tế	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
86.			- Tổ chức các hội thảo với chuyên gia, doanh nghiệp trong nước và quốc tế để thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp				
87.	KTS9.2	Đào tạo và phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp	- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất	Ban quản các khu công nghiệp/	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
88.			- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các ưu đãi cho các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực sản xuất				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
89.			- Xây dựng cơ chế ưu đãi mới cho các khu công nghiệp liên quan đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư nền tảng số cho hoạt động sản xuất	Khu kinh tế			
X	KTS10	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng					
90.	KTS10.1	Tiết kiệm năng lượng trong đô thị thông minh	- Tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả;	Sở Công Thương		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
91.			- Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.				
92.			- Hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện, đi đôi với nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện				
XI	KTS11	Phát triển khu công nghiệp					
	KTS11.1	Hỗ trợ doanh nghiệp	- Đẩy mạnh cập nhật, nâng cấp và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động đầu tư, xây dựng và quản lý khu	Ban Quản lý khu kinh tế; Ban quản lý các khu công nghiệp	Doanh nghiệp tại tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
93.			- Hỗ trợ lãnh đạo khu công nghệ trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư, tìm kiếm doanh nghiệp trên cả nước và thế giới				
94.			- Phát triển và hoàn thiện Khu theo mô hình Khu công nghệ cao, đảm bảo sức cạnh tranh, thu hút nhà đầu tư so với các Cụm, khu công nghiệp trong nước và trong vùng				
95.	KTS11.2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư tại Khu Công nghiệp	- Có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ cao "đóng đô" tại các khu công nghiệp	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp/		2025-2030	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
XII	KTS12	Chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng					
96.	KTS12.1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch Xây dựng	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
97.	KTS12.2	Ứng dụng khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số	- Áp dụng khoa học kỹ thuật, các tiêu chuẩn tiêu chí phù hợp hướng tới triển khai xây dựng thông minh, góp phần vào việc xây dựng đô thị thông minh trên toàn tỉnh	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
98.			- Ứng dụng nền tảng GIS để xây dựng quy trình lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng				
99.			- Ứng dụng nền tảng mô hình thông tin công trình (BIM) cho việc xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định dự án xây dựng.				
100.			- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức ngành đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số				
XIII	KTS13	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch					
101.	KTS13.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch tỉnh	- Phát triển ứng dụng di động dành cho khách du lịch Hưng Yên (all in one) để hỗ trợ du khách	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
102.			- Sử dụng trang web du lịch chính thức để giúp du khách lên kế hoạch cho chuyến đi đến Hưng Yên và nhận thông tin về các doanh nghiệp du lịch đáng tin cậy				
103.			- Cung cấp thông tin về các địa điểm du lịch trên trang web du lịch chính thức của Tỉnh				
104.			- Chuẩn hóa nội dung số giới thiệu về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
105.			Số hóa các điểm đến du lịch; nâng cấp Cổng du lịch thông minh và ứng dụng trên thiết bị di động, tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch của tỉnh trên không gian mạng				
106.			- Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành du lịch.				
107.			- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, công ty khai thác du lịch...) được điện tử hóa, số hóa.				
108.			- Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh đối với những di tích lịch sử quan trọng của tỉnh Hưng Yên, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với vấn đề văn hóa, lịch sử.				
109.	KTS13.2	Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch	- Xây dựng thông tin tên đường, biển báo, di tích văn hóa lịch sử (ví dụ mã QR code)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
110.			- Hợp tác với các bên liên quan trong ngành để thu thập và chia sẻ dữ liệu thông qua cơ sở dữ liệu dùng chung				
111.			- Xây dựng các ứng dụng giám sát, cảnh báo an toàn, hỗ trợ khách du lịch trong những trường hợp cần sự trợ giúp, trường hợp khẩn cấp.				
112.			- Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) trong lĩnh vực văn hóa.				
113.			- Số hóa các di sản văn hóa để phổ cập qua công nghệ số.				
114.			- Ứng dụng công nghệ số trong công tác tập luyện, tổ chức thi đấu thể thao.				
C	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ						
I	XHS1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số					
115.	XHS1.1		- Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền;				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
116.		Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	- Xây dựng phóng sự, chương trình truyền thanh, truyền hình;	Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
117.			- Xây dựng các bài viết, chuyên đề trên báo in, báo điện tử;				
118.			- Xây dựng các chuyên mục thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số của chính quyền và người dân trên website của các sở ban ngành, báo điện tử, báo in				
119.	XHS1.2	Nâng cấp, phát triển Báo điện tử và giải pháp Tòa soạn điện tử	- Đưa vào quản lý toàn bộ quá trình tác nghiệp, phê duyệt, xuất bản, đánh giá bài viết, tính nhuận bút, để phê duyệt cho áp dụng sản xuất báo giấy và báo điện tử	Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh		2025 - 2030	Ngân sách địa phương
120.			- Cho phép áp dụng các công nghệ tự động, hiển thị đầy đủ dữ liệu đa phương tiện trên máy tính, thiết bị cầm tay, kết nối giải pháp tòa soạn điện tử, cung cấp thông tin quản lý hạ tầng đô thị trên mã QR code, app mobile				
121.	XHS1.3	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số	- Tổ chức các hội thảo, hội nghị;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Ngân sách địa phương
122.			- Tổ chức các hoạt động tôn vinh thành công điển hình;				
123.			- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác về chuyển đổi số.				
124.			-Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc về chuyển đổi số				
II	XHS2	Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông					
125.	XHS2.1	Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số	- Đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, tin học ứng dụng, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
126.			Xây dựng đề án chuyển đổi số trong dạy, học và thi trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026	
127.	XHS2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số	- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (ví dụ các chương trình giáo dục STEM, STEAM), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương
III	XHS3	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cán bộ công chức, viên chức, người dân					
128.	XHS3.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	- Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập	Sở Giáo dục và Đào tạo		Hàng năm	Ngân sách địa phương
129.	XHS3.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (thực hiện theo ngành dọc)	- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức ngành đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Ngân sách địa phương
130.			- Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.				
IV	XHS4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục					
131.	XHS4.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục	- Phổ cập hệ thống quản lý trường học số như quản lý tài chính, quản lý hoạt động tại tất cả các trường trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo		2025 - 2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
132.			- Phổ cập và triển khai sử dụng hệ thống quản lý học sinh như quản lý phí, học phí điện tử đảm bảo sẵn sàng việc thu/chi không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, các loại học bạ, sổ điện tử, hệ thống quản lý bán trú và các hệ thống, ứng dụng công nghệ cao khác				
133.			- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới				
134.	XHS4.2	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo	- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại, thiết thực, và hiệu quả.	Sở Giáo dục và Đào tạo		2025 - 2030	Ngân sách địa phương
135.			- Thí điểm hệ thống học tập đa phương tiện tại một số trường trên địa bàn tỉnh, ví dụ như có máy chiếu, các tiết học dựa trên các ứng dụng thực tế ảo, bảng điện tử thông minh				
136.			- Xây dựng cơ chế, chính sách và đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục số với thiết bị, công nghệ hiện đại và phương pháp áp dụng tối ưu				
V	XHS5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế					
137.	XHS5.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	- Đảm bảo hạ tầng CNTT cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh. - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số, đảm bảo hướng triển khai rộng rãi các hệ thống khám chữa bệnh thông minh với bệnh án điện tử tại các bệnh viện.	Sở Y tế	Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	2025 - 2030	Ngân sách địa phương
138.			- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực y tế				
139.			-Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, kết nối hồ sơ sức khỏe điện tử				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
			- Hoàn thiện bổ sung dữ liệu cho hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử				
140.	XHS5.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế	-Phổ cập nhập liệu điện tử bằng máy tính tại các bệnh viện, các trạm y tế xã phường thay vì dùng bảng giấy	Sở Y tế	Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
141.			-Quản lý, kết nối thông tin y tế với các cơ quan, doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh				
142.			-Triển khai hệ thống quản lý khám chữa bệnh (HIS) tại các cơ sở khám chữa bệnh, phần mềm Quản lý xét nghiệm (LIS), Lưu trữ truyền tải hình ảnh (RIS-PACS); triển khai hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế PACS tập trung tỉnh Hưng Yên				
143.			-Thúc đẩy dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (telehealth) bằng cách chuẩn hóa một số lĩnh vực cụ thể trong y tế có thể thay thế cách khám chữa bệnh truyền thống bằng việc khám chữa bệnh từ xa				
144.			-Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về y tế, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu y tế. Ứng dụng các công nghệ phân tích (ví dụ: trí tuệ nhận tạo - AI) để phân tích số liệu về hoạt động y tế kịp thời, dự báo chính xác về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật và dịch bệnh trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp.				
145.			-Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý và công thông tin về ngộ độc thực phẩm, phản ánh các thông tin mất an toàn vệ sinh thực phẩm, cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm cho người dân qua các ứng dụng nhắn tin di động, kết nối với thông tin kiểm nghiệm thực phẩm.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
146.			-Triển khai ứng dụng đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến, triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia, kết nối liên thông cơ sở dữ liệu cung ứng thuốc trên toàn quốc; triển khai hệ thống tiêm chủng quốc gia....				
147.			-Tiếp tục triển khai hệ thống thống kê y tế điện tử trên toàn tỉnh.				
148.			-Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động của ngành y tế sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong công việc; Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng trong công việc của cán bộ, công chức ngành y tế trong việc xử lý các công việc hàng ngày.				
VI	XHS6	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng					
149.	XHS6.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	- Xây dựng thông tin và tuyên truyền trên các kênh chính thống của chính quyền về các hiểm họa trên môi trường số như đánh cắp thông tin, lừa đảo v.v cũng như cách phòng tránh và cách sử dụng công nghệ tối ưu để gây dựng niềm tin vào hệ thống mạng và khuyến khích người dân truy cập môi trường số	Công an tỉnh		2025 - 2030	Ngân sách địa phương
150.	XHS6.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng	- Xây dựng và đề xuất các thay đổi, bổ sung về mặt luật pháp trong địa bàn tỉnh hoặc cao hơn để phòng tránh và xử phạt các trường hợp lợi dụng môi trường mạng	Công an tỉnh		2025 - 2030	
151.	XHS6.2	Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu Quốc gia về dân cư đối với các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương, thực hiện quản lý, đảm bảo an toàn dữ liệu về dân cư	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Theo lộ trình của Bộ Công an	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
		quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030					
VII	XHS7	Xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT trong giao thông thông minh, logistics					
152.	XHS7.1	Định hướng và khuyến khích phát triển giải pháp giao thông thông minh, logistics	- Hợp tác và khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp giải pháp kho bãi, logistics thông minh như Logivan, Ninjavan... tham gia mở rộng tại thị trường Hưng Yên qua các ưu đãi, tài trợ phù hợp	Sở Xây dựng	Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn đầu tư của doanh nghiệp
153.			- Tổ chức các hội thảo, hội đàm chia sẻ và thảo luận giữa khu vực công và tư trong định hướng phát triển và cung cấp giải pháp giao thông thông minh, xác định các giải pháp và ứng dụng phù hợp với địa bàn và xu hướng đổi mới trong tỉnh				
154.	XHS7.2	Ứng dụng triển khai giao thông thông minh	- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics.	Sở Xây dựng		2025 - 2030	Ngân sách địa phương
155.			- Triển khai và ứng dụng các công nghệ giao thông mới như đèn giao thông thông minh, quản lý giao thông thông minh, điểm đỗ xe thông minh				
156.			- Phát triển các nền tảng đảm bảo trạng thái của chuỗi dịch vụ logistics được chuyển đổi số trong tất cả các công đoạn; Từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.				
157.			- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng				
158.	XHS7.3	Ứng dụng triển khai Logistics	- Xây dựng và làm đầy đủ phiên bản số của hệ thống logistics diễn đạt trạng thái thực tất cả các công đoạn của chuỗi dịch vụ logistics;	Sở Xây dựng		2025 - 2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
159.			- Xây dựng bản đồ GIS về logistics; nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động logistics (xã hội hóa); từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước				
VIII	XHS8	Kiểm soát ô nhiễm thông minh					
160.	XHS8.1	Kiểm soát ô nhiễm	- Phát triển mô hình kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật
161.			- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin TNMT của tỉnh; Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản; Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
162.	XHS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường tương lai	- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển Quản lý Chất thải Thông minh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các tổ chức, cá nhân liên quan	2025 - 2030	Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác
163.			- Sử dụng tài nguyên được phân bổ một cách hiệu quả nhất có thể bằng cách sử dụng Quản lý chất thải thông minh, loại bỏ việc thu gom rác không cần thiết và thay vào đó dựa vào việc thu gom theo yêu cầu)				
164.			- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai				
165.			- Xây dựng các ứng dụng quản lý hiệu quả lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
166.			- Phân tích và dự báo môi trường theo thời gian thực để giám sát, kịp thời xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.				theo quy định của pháp luật
167.			- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số để ứng phó với biến đổi khí hậu.				